

TÒA ÁN NH1 DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 5 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NH1 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH1 DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nH1 dân: Bà Lò Thị Hiền

Bà Nguyễn Thị Nhung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Quảng Thị Thu - Thư ký Tòa án nH1 dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nH1 dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2025/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T; Địa chỉ: Thôn Th, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H; Địa chỉ: Số nhà 84, tổ dân phố 05, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/2/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

1. Về hôn nH1: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH1 dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau khoảng 3 tháng thì sống ly tH1, hiện chị T cư trú tại Thôn Th, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh còn anh H cư trú ở số nhà 84, tổ 05, phường M, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Hai vợ chồng không còn duy trì cuộc sống chung cũng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nH1 không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia H1, sinh ngày 17/05/2022, hiện cháu đang ở cùng chị T ở Hà Tĩnh. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Gia H1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản, nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và photô đơn khởi kiện cùng tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho anh H biết. Anh H đã nhận các tài liệu chứng cứ trên; có đơn trình bày nêu ý kiến và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Về quá trình kết hôn và con chung, anh H thống nhất như lời trình bày của chị T. Anh H nhất trí ly hôn với chị T vì anh chị đã sống ly th1, không còn duy trì cuộc sống chung, cũng không còn yêu thương chăm sóc nhau. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng do anh H đã có đơn đề nghị xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện giải quyết ly hôn với anh H, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia H1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cũng như quan hệ tài sản và nợ. Ngoài ra chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại tổ dân phố 05, phường M, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH1 dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về điều luật áp dụng: Chị T và anh H kết hôn vào ngày 15/3/2022 nên Tòa án sẽ áp dụng Luật hôn nH1 và gia đình năm 2014 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nH1 và để áp dụng giải quyết vụ án.

[4] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175, Điều 177/ BLTTDS, việc anh H không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72/BLTTDS là do anh H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm Khoản 1 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Về quan hệ hôn nH1:

Chị T và anh H kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH1 dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh trên tinh thần tự nguyện nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nH1 và gia đình năm 2014, hôn nH1 trên là hợp pháp.

Theo lời khai của chị T và Đơn đề nghị xác nhận tình trạng hôn nH1 do chị T cung cấp có chính quyền địa phương xác nhận: Quá trình anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì lâm vào mâu thuẫn, nguyên nH1 là do tính tính không hợp, quan điểm bất đồng nên vợ chồng đã sống ly tH1 từ tháng 07/2022, hiện mỗi người sống một nơi, không còn ai quan tâm đến ai. Tình trạng trên cũng được anh H thừa nhận trong đơn trình bày của anh H gửi Tòa án. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng, người vợ dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với nhau. Do đó, đã làm cho hôn nH1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nH1 không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 19 Luật Hôn nH1 và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T, giải quyết cho ly hôn giữa chị T với anh H.

[5.2]. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia H1, sinh ngày 17/05/2022. Anh chị thống nhất giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, chị T có công việc, chỗ ở và thu nhập ổn định được chính quyền địa phương xác nhận, mặt khác cháu H1 dưới 36 tháng tuổi nên để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu H1, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nH1 và gia đình chấp nhận giao cháu H1 cho chị T nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.3] Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Phạm Thị T pH chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 19; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nH1 và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nH1: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia H1, sinh ngày 17/05/2022 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nH1 và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T pH nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ tỉnh Điện Biên theo biên lai thu tiền số 0001132 ngày 18/02/2025. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/5/2025). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nH1 dân TP ĐBP;
- UBND xã X, H.N
- T.Hà Tĩnh (Nơi đăng ký kết hôn)
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Tòa án nH1 dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/4/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trà

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trà